TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HSST
Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách.

Ngày 29/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2023/TLST-HS ngày 14/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HS ngày 14/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Lường Văn Q, sinh năm 2002;

Nơi ĐKHKTT: Bản Lù, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn B và bà Lò Thị H; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/6/2023 đến ngày 03/7/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, Hải Dương;

Có mặt tại phiên toà.

2. Lường Văn T, sinh ngày 12/9/2006;

Nơi ĐKHKTT: Bản Lù, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lường Văn Ú và bà Quàng Thị H1; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/6/2023 đến ngày 03/7/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H;

Có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn T:*

+ Ông Phạm Xuân T1 – Luật sư - Đoàn Luật sư thành phố H - Công ty L2; Địa chỉ: Tầng H, tòa nhà D, đường N, quận C, TP H. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ư – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn Q:*

Bà Nguyễn Thị Ư – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh H. Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Lường Văn T:*

Ông Lường Văn Ú, sinh năm 1985 và bà Quàng Thị H1, sinh năm 1986; đều trú tại: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

Anh Lường Văn H2, sinh ngày 2004, ĐKHKTT: Bản Lù, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Lường Văn C, sinh ngày 09/8/2006, ĐKHKTT: Bản Lù, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; Người đại diện theo pháp luật của anh Lường Văn C: Ông Lường Văn Q1, sinh năm 1985 và bà Hà Thị D, sinh năm 1984, đều trú tại: B, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1998, ĐKHKTT: Bản Na Đông, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nơi ở hiện tại: thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/6/2023, Lường Văn Q rủ Lường Văn T mỗi người góp 50.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. Q điều khiển xe máy biển số 26AA-161.79 (xe của Lường Văn H2 em trai của Q, H2 không biết việc Q sử dụng xe máy để đi mua ma túy) đến khu vực cầu H, thuộc thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương gặp và mua của người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) 100.000 đồng ma túy, loại Heroine. Người này đồng ý nhận tiền và chỉ Q, T đến khu vực cây cột điện gần đó lấy ma túy. Q và T sau khi lấy được ma túy quay về phòng trọ của T ở thôn M, xã Đ, huyện N để sử dụng. Lúc này tại phòng còn có Lường Văn C, sinh ngày 09/8/2006, trú tại Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (bạn cùng trọ với T) và Hoàng Văn L1, sinh năm 1998, trú tại Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (bạn của Q). Q lấy mảnh giấy

thiếc bạc của bao thuốc lá Thăng Long để ở giường, T đổ một nửa ma túy vừa mua được vào giấy thiếc bạc. Q lấy bật lửa ga màu đỏ trên giường bật lửa hơ dưới giấy thiếc bạc và bắt đầu sử dụng rồi lần lượt đưa cho T, L1, C sử dụng. Đến hồi 10 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện N phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: 01 mảnh giấy thiếc màu bạc trắng kích thước (2x6)cm bên trên có chất bám dính màu trắng; 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ kích thước (1,5x1,5)cm bên trên có chất bám dính màu trắng; 01 bật lửa màu đỏ; 01 xe máy nhãn hiệu DETECH kiểu dáng DREAM màu nâu, biển số 26AA-161.79. Cùng ngày, Lường Văn Q giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc không gắn sim. Cùng ngày, tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Lường Văn T, Lường Văn Q, Lường Văn C và Hoàng Văn L1, kết quả T, Q, C và L1 đều dương tính với ma túy Morphine (MOP) loại Heroine.

Ngày 30/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N Quyết định trưng cầu giám định đối với chất ma túy thu được của Lường Văn Q, Lường Văn T. Tại bản kết luận giám định số 340 ngày 30/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất màu trắng bám dính bên trên mảnh giấy bạc được niêm phong trong phong bì, gửi giám định là ma túy loại Heroine (H). Lượng mẫu bám dính bên trên mảnh giấy bạc rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Mẫu chất màu trắng bám dính bên trong gói giấy màu trắng có dòng kẻ được niêm phong trong phong bì, gửi giám định là ma túy loại Heroine (H). Lượng mẫu bám dính bên trong gói giấy màu trắng có dòng kẻ rất nhỏ nên không xác định được khối lượng. Heroine (H3) có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐCP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất

Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 340/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H bên trong có 01 mảnh giấy thiếc màu bạc trắng, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật gửi đến giám định; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc không gắn sim của Lường Văn Q; 01 xe máy nhãn hiệu DETECH kiểu dáng DREAM màu nâu, biển số 26AA-161.79 hiện đang quản lý tại kho vật chứng Công an huyện N.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS- NS ngày 12/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Lường Văn Q, Lường Văn T, về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q, T; Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; Tuyên bố các bị cáo phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý; Xử phạt: Bị cáo Q từ 8 năm - 8 năm 6 tháng tù, bị cáo T từ 5 năm - 5 năm 6 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu huỷ 01 mảnh giấy thiếc màu bạc trắng, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, 01 vỏ phong bì; 01 bật lửa ga màu đỏ. Trả lại bị cáo Q 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng bạc; Trả lại anh Lường Văn H2 01 xe máy nhãn hiệu DETECH kiểu dáng DREAM màu nâu, biển số 26AA-161.79; Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Q, Tuyền bà Nguyễn Thị Ư trình bày: Xác định về tội danh của các bị cáo theo như cáo trạng truy tố là chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, hoàn cảnh của các bị cáo, các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, là người dân tộc thiểu số, cư trú tại khu vực miền núi thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Về các tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phạm tội khi mới trên 16 tuổi. Nguyên tắc xử lý người dưới chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử các bị cáo Q từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, bị cáo Q2 4 năm – 5 năm tù và miễn án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T luật sư Phạm Xuân T1 trình bày: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại khu vực miền núi thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế. Bị T, Q đều xác định không rủ C, L1 sử dụng ma tuý. Bị cáo T phạm tội khi mới 16 tuổi, bản thân bị cáo chưa nhận thức được tác hại và các quy định của pháp luật về ma tuý, bị cáo phạm tội do bị rủ rê lôi kéo, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Nhất trí với quan điểm trợ giúp viên pháp lý về tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 3 năm - 4 năm tù.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo T: Đề nghị xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, kết quả xét nghiệm ma tuý và các tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 40 phút, ngày 30/6/2023, tại phòng trọ của Lường Văn T ở thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; Lường Văn Q và Lường Văn T có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý cho nhau và cho Lường Văn C, sinh ngày 09/8/2006 và Hoàng Văn L1 bị Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, gây mất trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi cung cấp ma tuý cho người khác sử dụng là vi phạm pháp luật, nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và xã hội nhưng vì để thoả mãn cơn nghiện các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo tổ chức cho nhiều người sử dụng ma tuý, trong đó có người chưa đủ 18 tuổi. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, tuy nhiên do có nhiều bị cáo nên cần xem xét đến vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo:

Bị cáo Q là người đề xuất rủ bị cáo T cùng phạm tội, đi mua ma tuý, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma tuý nên giữ vai trò đầu. Bị cáo T sau khi được Q đề xuất đã tiếp nhận ý chí, cùng góp tiền và cùng Q3 đi mua ma tuý nên giữ vai trò sau Q.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã đủ 18 tuổi, rủ rê lôi kéo bị cáo T là người dưới 18 tuổi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xét thấy: Bị cáo T mặc dù phạm tội lần đầu nhưng lại thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như người bào chữa cho bị cáo đề nghị. Bị cáo T là người chưa thành niên nhận thức còn hạn chế, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo do đó Hội đồng xét xử xen xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng nguyên tác xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và các quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét tính nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên không phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 mảnh giấy thiếc màu bạc trắng, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, 01 vỏ phong bì niêm phong mẫu vật được phong bì niêm phong số 340/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H, 01 bật lửa ga mầu đỏ là công cụ sử dụng vào việc phạm tội và vật không có giá trị nên tịch thu cho tiêu huỷ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc thu giữ của bị cáo Q: Tại phiên toà bị cáo Q xác định không sử dụng điện thoại để liên lạc với người bán ma tuý, quá trình điều tra không làm rõ được người bán ma túy cho các bị cáo nên không có căn cứ xác định bị cáo sử dụng điện thoại vào việc phạm tội. Do đó trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại nêu trên.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu DETECH kiểu dáng DREAM màu nâu, biển số 26AA-161.79 là tài sản của anh Lường Văn H2, anh H2 không biết việc Q sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho anh H2.

[7] Đối với người bán ma túy cho Q, Tuyền quá trình điều tra không xác định được nên không có căn cứ xử lý;

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Lường Văn Q, Lường Văn T, Lường Văn C, Hoàng Văn L1 Công an huyện N đã xử phạt vi phạm hành chính đối là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại Điều 10 Luật phí và lệ phí, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[9] Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lường Văn Q, Lường Văn T** phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.1 Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lường Văn Q;

Xử phạt: Bị cáo Lường Văn Q **08 (*Tám*) năm 03 (*Ba*) tháng tù**, thời gian tính từ ngày tạm giữ 30/6/2023

1.2 Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lường Văn T;

Xử phạt: Bị cáo Lường Văn T **05 *(Năm)* năm 03 *(Ba)* tháng tù**, thời gian tính từ ngày tạm giữ 30/6/2023

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 mảnh giấy thiếc màu bạc trắng, 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, 01 vỏ phong bì được phong bì niêm phong số 340/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh H; 01 bật lửa ga màu đỏ.

Trả lại bị cáo Lường Văn Q điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng bạc có Model A1688FCCID:BCGE2946AIC579C-E2946A, màn hình bị nứt.

Trả lại anh Lường Văn H2 01 xe máy nhãn hiệu DETECH kiểu dáng DREAM màu nâu, biển số 26AA-161.79.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 25/9/2023).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 10 Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa của bị cáo T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Cơ quan điều tra - CA huyện Nam Sách;
- Cơ quan THAHS – CA huyện;
- Bộ phận HSNV – Công an huyện;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã C;
- Bị cáo, người đại diện theo pháp luật;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy